TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 13- P**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 47B/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 26/12/2025
V/v: ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 13- P

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thanh Nhàn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đào Đình Phúc, Ông Vũ Việt Trung.

- Thư ký phiên toà: Ông Phạm Đình Lân - Thư ký Toà án nhân dân Khu vực 13- P.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 13- P tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Diên - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 12 năm 2025, tại Trụ sở Toà án nhân dân Khu vực 13- P xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 156/2025/TLST- HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2025 về ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 63/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 11 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 51/2025/QĐST-HNGĐ ngày 17/12/2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Phạm Quang L, sinh năm 1960

Số CCCD: 030060015013

Nơi thường trú: thôn Đ, xã B, thành phố P.

- *Bị đơn*: Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1968

Số CCCD: 030168000617

Nơi thường trú: thôn Đ, xã B, thành phố P.

Ông L có mặt; bà S vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Tại đơn khởi kiện, quá trình khai tại Tòa án và tại phiên toà, nguyên đơn ông Phạm Quang L trình bày:***

Ông và bà Nguyễn Thị S được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Thanh Tùng, huyện Ninh Thanh, tỉnh Hải Hưng (nay là xã B, thành phố P) ngày 26/02/1990. Sau khi kết hôn, vợ chồng ở nhà làm nông nghiệp, cày cấy. Quá trình chung sống đã phát sinh mâu thuẫn ngay từ thời gian đầu. Nguyên nhân là do không hợp nhau về tính tình, bất đồng quan điểm, thường xuyên xảy ra cãi cọ, bà S còn đập bát đĩa trước mặt ông, dùng toàn những lời lẽ xúc phạm không tôn trọng chồng, cuộc sống mệt mỏi, không hạnh

phúc. Nhiều lần bà S tự bỏ đi đâu ông không biết, bỏ đi được khoảng hơn chục ngày lại về, vợ chồng rất lạnh nhạt. Nhiều lần như vậy nên ông bà không còn tình cảm, bà S bỏ mặc không quan tâm đến chồng. Trong làm ăn, bà S không giúp đỡ chồng, để mặc ông tự lo liệu. Việc cày cấy, gặt hái, ruộng vườn, trồng cây, ao cá một mình ông phải làm. Đến khoảng tháng 4/2024, bà S tự bỏ đi ở với con không ở với ông nữa. Ông tìm nhưng bà S không về. Hiện nay ông ở một mình, tự lo liệu cơm nước, sinh hoạt cho bản thân không ai chăm sóc, vẫn phải tự cáng đáng ruộng vườn, còn các con đã trưởng thành có gia đình riêng, hoàn cảnh rất khổ tâm. Khoảng tháng 5/2025 ông đã gửi đơn xin ly hôn bà S lên Toà án nhân dân huyện Thanh Miện, nhưng sau đó ông rút đơn về. Từ đó đến nay, bà S vẫn không quay về, dửng dưng không quan tâm ông ăn ở sống chết thế nào. Nay ông xác định tình cảm vợ chồng không còn, ông đề nghị Toà án giải quyết cho ông được ly hôn bà S.

Về con chung: Ông và bà S có hai con chung là chị Phạm Như Quý- sinh ngày 11/02/1992 và anh Phạm Quang Dũng- sinh ngày 20/4/1994. Hiện hai con đã trưởng thành, không yêu cầu Toà án giải quyết nuôi dưỡng.

Về tài sản chung, vay nợ chung, công sức: Ông không yêu cầu Toà án giải quyết.

**** Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Nguyễn Thị S trình bày:***

Bà và ông Phạm Quang L được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Thanh Tùng ngày 26/02/1990. Sau khi kết hôn, bà và ông L chung sống nhưng xảy ra rất nhiều mâu thuẫn. Ông L nhiều lần cãi nhau, mắng chửi đánh bà nhưng vì các con bà nhẫn nhịn cho qua. Nay các con đều đã trưởng thành, bà không còn níu giữ gì, nếu ông L muốn ly hôn thì cứ làm, bà không có ý kiến gì và cũng không muốn liên quan đến ông L. Bà không bao giờ ký đơn, còn ông L thích bỏ thì bỏ. Hiện nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng hoà giải về đoàn tụ nhưng bà không đồng ý ký vào giấy tờ ly hôn vì không muốn làm trò hề cho xã hội. Bà và ông L đã sống ly thân nhau gần 01 năm nay, bà vào ở với vợ chồng con trai bế cháu. Bà xác định không về ở với ông L nữa, cũng không muốn gặp ông L, ông L muốn lấy bao nhiêu vợ thì mặc ông L.

Bà và ông L có hai con chung là chị Phạm Như Quý, sinh năm 1992 và anh phạm Quang Dũng, sinh năm 1994. Các con đã trưởng thành, có gia đình riêng, bà không yêu cầu giải quyết vấn đề nuôi dưỡng.

Về tài sản chung, vay nợ, công sức: bà không yêu cầu Toà án giải quyết.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 13- P phát biểu ý kiến: Xác định việc chấp hành pháp L của Thẩm phán trong quá trình thu thập chứng cứ, của HĐXX và thư ký phiên toà tuân thủ đúng các quy định của Bộ L Tổ tụng dân sự; nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều

70, 71 của Bộ L tố tụng dân sự, bị đơn thực hiện chưa đúng quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ L tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị HĐXX:

Căn cứ Điều 56 L Hôn nhân và gia đình; Điều 147, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án lệ phí Toà án:

- Về quan hệ hôn nhân: xử cho ông Phạm Quang L được ly hôn bà Nguyễn Thị S.

- Về án phí: Ông L là người cao tuổi, thuộc trường hợp được miễn án phí sơ thẩm dân sự vì vậy không phải chịu án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Ông Phạm Quang L yêu cầu Tòa án nhân dân Khu vực 13- P giải quyết ly hôn với bà Nguyễn Thị S, đăng ký thường trú tại thôn Đ, xã B, thành phố P. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ L tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 13- P. Xác định quan hệ tranh chấp về Hôn nhân và gia đình là ly hôn theo khoản 1 Điều 28 Bộ L Tố tụng dân sự.

[1.2] Bị đơn bà Nguyễn Thị S đã được Toà án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định pháp L. Bị đơn vắng mặt tại phiên toà lần thứ hai không có lý do nên Toà án tiến hành xét xử vụ án theo điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ L Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông Phạm Quang L và bà Nguyễn Thị S kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thanh Tùng, huyện Ninh Thanh, tỉnh Hải Hưng (nay là UBND xã B, thành phố P) ngày 26/02/1990, nên quan hệ hôn nhân giữa ông bà là hợp pháp.

Căn cứ lời khai của ông L, bà S và các tài liệu thu thập có trong hồ sơ vụ án, có đủ căn cứ xác định: Quá trình chung sống, ông bà đã xảy ra mâu thuẫn căng thẳng, thường xuyên xúc phạm nhau, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Ông bà đã sống ly thân nhau 01 năm nay, bản thân bà S không muốn hàn gắn, bà xác định không quay về chung sống cùng ông L nữa. Điều đó cho thấy vợ chồng không còn sự thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, đến nay ông bà vẫn tiếp tục sống ly thân bỏ mặc nhau, không còn tình nghĩa vợ chồng. Với thực trạng hôn nhân nói trên cho thấy mâu thuẫn vợ chồng đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cần xử cho ông L được ly hôn bà S là phù hợp quy định tại các Điều 51, 56 L Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Ông bà có hai con chung đã trưởng thành, không yêu cầu giải quyết.

[4] Về tài sản chung, vay nợ, công sức: Ông L, bà S không yêu cầu nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Ông Phạm Quang L thuộc đối tượng người cao tuổi (trên 60 tuổi) nên được miễn án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 51, 56 L Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ L tố tụng dân sự; L phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Xử cho ông Phạm Quang L được ly hôn bà Nguyễn Thị S.

2. Về án phí: Miễn án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm cho ông Phạm Quang L.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND Khu vực 13- P;
- THADS thành phố P;
- Các đương sự;
- UBND xã B, TP P (Giấy CNKH số 1990 ngày 26/02/1990);
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thanh Nhàn